

Số: 2886/TCBC-BTP

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

**Văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ
ban hành trong tháng 07 năm 2022**

Thực hiện khoản 2, khoản 3 Điều 12 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012, Bộ Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 07 năm 2022 như sau:

I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 07 năm 2022, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật như sau:

Các Nghị định của Chính phủ:

1. Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 07 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

2. Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 07 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

3. Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 07 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

4. Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 07 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP.

Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

1. Quyết định số 17/2022/QĐ-TTg ngày 28/07/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân cấp thực hiện các dự án, dự án thành phần đầu tư các đoạn tuyến đường bộ cao tốc theo hình thức đầu tư công thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 07 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi

a) **Hiệu lực thi hành:** Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành (ngày 13 tháng 07 năm 2022).

- Khoản 10 Điều 1 Nghị định này được thực hiện khi các quy định kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu trước thông quan tại Điều 18 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP được bãi bỏ.

- Việc kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi nhập khẩu được thực hiện kể từ ngày Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có hiệu lực thi hành.

b) **Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

Nghị định số 13/2020/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi được Chính phủ ban hành ngày 21/01/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 05/3/2020. Nghị định số 13/2020/NĐ-CP đã hướng dẫn những nội dung được Luật Chăn nuôi giao về giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, điều kiện cơ sở chăn nuôi, quy mô, mật độ chăn nuôi, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, thức ăn chăn nuôi, sản phẩm chăn nuôi... Nhiều nội dung của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP được triển khai thực hiện trong thực tiễn đã góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ, tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh, minh bạch để tổ chức, cá nhân hoạt động trong chăn nuôi, đồng thời phát huy hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về chăn nuôi. Tuy nhiên, một số nội dung của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tham gia phát triển bền vững và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ngành chăn nuôi trong thời gian tới. Cụ thể như sau:

+ Triển khai thực hiện Nghị quyết số 91/NQ-CP ngày 10/6/2020 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5/2020. Trong quá trình thực hiện quy định tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP một số tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị nghiên cứu, xem xét quy định về (1) Giấy chứng nhận lưu hành tự do hoặc văn bản có giá trị tương đương (sau đây viết tắt là CFS) tại điểm c khoản 3 Điều 18 và (2) Cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam tại khoản 2 Điều 29. Bộ Nông nghiệp và PTNT đã báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Chính phủ về những nội dung này. Ngày 11/6/2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 91/NQ-CP về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5/2020, trong đó nhưng hiệu lực thi hành của điểm c khoản 3 Điều 18 và khoản 2 Điều 29 và giao Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên

quan rà soát tổng thể Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, xác định vướng mắc, bất cập cụ thể trong quá trình thực hiện Nghị định số 13/2020/NĐ-CP. Trên cơ sở đó, đề xuất việc xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP theo trình tự, thủ tục rút gọn.

+ Kết quả tổ chức triển khai thi hành Nghị định số 13/2020/NĐ-CP Sau gần 02 năm triển khai thi hành Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, Bộ Nông nghiệp và PTNT nhận được kiến nghị của một số địa phương về khó khăn, vướng mắc, bất cập khi tổ chức triển khai các quy định của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP trong thực tiễn. Đồng thời, khi rà soát tổng thể Nghị định số 13/2020/NĐ-CP theo yêu cầu của Nghị quyết số 91/NQ-CP, Bộ Nông nghiệp và PTNT cũng nhận thấy một số nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu quản lý, đặc biệt trong bối cảnh Chính phủ đang chỉ đạo các Bộ, ngành rà soát điều kiện đầu tư, kinh doanh tạo điều kiện cho doanh nghiệp phục hồi sản xuất sau đại dịch Covid-19.

+ Yêu cầu về hoàn thiện pháp luật để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật Luật Đầu tư năm 2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021 tại Phụ lục IV quy định “Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi” là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật này “Điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề quy định tại khoản 2 Điều này được quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên”. Hiện nay, việc quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi được quy định tại Điều 62 và Điều 63 Luật Chăn nuôi và giao Chính phủ quy định chi tiết tại Điều 30, 31 và 32 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. Tuy nhiên, các nội dung chăn nuôi tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP cho phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư năm 2020.

Hơn nữa, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi cũng tương tự như các loại vật tư khác trong nông nghiệp như sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi, tuy nhiên quy định, cách thức quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi còn thiếu, chưa đồng nhất với các loại vật tư khác. Do đó, để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, sự cạnh tranh bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các loại vật tư nông nghiệp, tránh việc “lách luật” để thực hiện hành vi vi phạm thì cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định về sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP cho phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu quản lý. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi là cần thiết.

- Mục đích ban hành: Dự thảo Nghị định được xây dựng nhằm: Hoàn thiện đầy đủ, đồng bộ khung pháp lý điều chỉnh các quan hệ xã hội, kinh tế, môi trường, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh nhằm phát triển ngành chăn nuôi hiện đại, bền vững, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội; Thúc đẩy phát triển

sản xuất ngành chăn nuôi, kiểm soát an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm trong chăn nuôi.

c) Nội dung chủ yếu:

- Nghị định bao gồm 4 Điều.

- Các quy định chính của Nghị định:

+ Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi

+ Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản, điều, Phụ lục của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi

+ Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

“1. Tổ chức, cá nhân nộp đầy đủ hồ sơ đăng ký giải quyết thủ tục hành chính về thức ăn chăn nuôi, nhập khẩu vật nuôi sống trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì áp dụng theo quy định của Luật Chăn nuôi, các văn bản hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi và pháp luật có liên quan tại thời điểm nộp hồ sơ. Trường hợp quy định tại Nghị định này thuận lợi hơn cho tổ chức, cá nhân thì giải quyết theo quy định tại Nghị định này.

2. Cơ sở sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục hoạt động và làm các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Tổ chức, cá nhân công bố thông tin sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì áp dụng quy định của Luật Chăn nuôi, các văn bản hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi và pháp luật có liên quan tại thời điểm công bố thông tin.

4. Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi bổ sung đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được phép sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi trên cùng dây chuyền, trang thiết bị sản xuất thức ăn chăn nuôi bổ sung.

5. Cơ sở sản xuất đồng thời thức ăn chăn nuôi bổ sung và sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi trên cùng dây chuyền sản xuất; sản phẩm sử dụng đồng thời làm thức ăn chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thức ăn chăn nuôi.

6. Sản phẩm sử dụng đồng thời làm thức ăn chăn nuôi bổ sung và xử lý chất thải chăn nuôi đã được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật về thức ăn chăn nuôi và sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi được ghi chung nhãn.

7. Việc lưu trữ tài liệu, hồ sơ liên quan đến kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu; kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi nhập khẩu; nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định này.

8. Việc kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp Nghị định này chưa quy định thì thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và quy định của pháp luật có liên quan.”

+ Điều 4. Hiệu lực thi hành.

2. Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 07 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2022.

Bãi bỏ khoản 8 và khoản 9 Điều 19 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Xe ô tô cải tạo từ xe có sức chứa từ 10 chỗ trở lên thành xe ô tô dưới 10 chỗ (kể cả người lái xe) đã được cấp phù hiệu, biển hiệu trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được sử dụng để kinh doanh vận tải hành khách đến hết niên hạn sử dụng theo quy định tại Nghị định này.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành

Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô sau hơn một năm triển khai thực hiện cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của thực tế, góp phần tạo thuận lợi cho hoạt động vận tải phát triển, đáp ứng được việc ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực giao thông vận tải phù hợp với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Tuy nhiên, còn một số nội dung cần phải được điều chỉnh để phù hợp với hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và công tác quản lý của các cơ quan, đơn vị. Cụ thể:

+ Trong Nghị định số 10/2020/NĐ-CP quy định đơn vị kinh doanh vận tải phải có tài liệu chứng minh đã khắc phục vi phạm sau khi bị tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh vận tải, phù hiệu, biển hiệu xe kinh doanh vận tải nếu như muốn tiếp tục kinh doanh vận tải (quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 22). Quy định này đã gây khó khăn trong quá trình thực hiện của đơn vị vận tải cũng như của các Sở Giao thông vận tải; đồng thời theo quy định về xử phạt vi phạm

hành chính thì sau thời hạn tước quyền sử dụng cần phải trả lại Giấy phép kinh doanh vận tải, phù hiệu, biển hiệu mà không cần phải chứng minh việc đã khắc phục các lỗi dẫn đến hành vi vi phạm bị tước quyền sử dụng. Chính vì vậy, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung các nội dung này để đảm bảo phù hợp với quy định về xử phạt vi phạm và tạo thuận lợi cho đơn vị kinh doanh vận tải.

+ Đối với việc thu hồi Giấy phép kinh doanh vận tải cũng cần điều chỉnh làm rõ nội dung cần khắc phục nguyên nhân dẫn đến việc bị thu hồi Giấy phép kinh doanh vận tải (quy định tại điểm b khoản 5 Điều 18) để đơn vị kinh doanh vận tải thuận lợi trong quá trình thực hiện.

+ Kiến nghị của một số Sở Giao thông vận tải cần phải quy định rõ khi thu hồi Giấy phép kinh doanh vận tải thì trong thời gian bao lâu đơn vị kinh doanh vận tải phải nộp lại Giấy phép kinh doanh vận tải (điểm d khoản 7 Điều 19). Do đó cần điều chỉnh sửa đổi, bổ sung để tạo thuận lợi và minh bạch khi thực hiện.

+ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP quy định việc các Sở Giao thông vận tải phải trực tiếp thực hiện dán phù hiệu, biển hiệu lên phương tiện kinh doanh vận tải được cấp (quy định tại điểm a khoản 9 Điều 22). Nội dung này trong hơn một năm thực hiện đã gây khó khăn cho cả cơ quan thực hiện và cả đơn vị kinh doanh vận tải, đặc biệt là đối với các tỉnh, thành phố có số lượng phương tiện nhiều (như thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh) hay những tỉnh có địa bàn rộng và vùng sâu, vùng xa, hải đảo (như tỉnh: Thanh Hóa, Yên Bái, Hà Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu, Kiên Giang) thì việc Sở Giao thông vận tải trực tiếp dán phù hiệu, biển hiệu lên phương tiện là khó khả thi và khó khăn cho đơn vị kinh doanh vận tải.

Ngoài ra, hiện nay Bộ Công an đã thực hiện phân tách giữa phương tiện kinh doanh vận tải và phương tiện cá nhân bằng màu của biển số; tem đăng kiểm cũng đã phân biệt màu của tem đăng kiểm đối với phương tiện kinh doanh vận tải; phù hiệu, biển hiệu chỉ đảm bảo để phân định từng loại hình kinh doanh vận tải để lực lượng chức năng đối chiếu khi xử lý vi phạm trong việc thực hiện các quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh trong hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. Do đó việc Sở Giao thông vận tải phải thực hiện dán trực tiếp lên phương tiện hiện không còn phù hợp, cần điều chỉnh để đảm bảo phù hợp với thực tế và tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện. Với các nội dung nêu trên, việc xây dựng để ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô là cần thiết để tạo thuận lợi cho đơn vị, doanh nghiệp khi thực hiện.

- Mục đích ban hành

+ Việc xây dựng Nghị định nhằm mục đích tiếp tục hoàn thiện quy định của pháp luật, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, phù hợp đồng bộ với các quy định của pháp luật.

+ Tạo thuận lợi cho đơn vị kinh doanh vận tải, đơn vị vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; thuận lợi cho quá trình tổ chức thực hiện của các cơ quan quản lý.

+ Thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước trong việc tháo gỡ khó khăn, loại bỏ các quy định không phù hợp gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp.

c) Nội dung chủ yếu:

Bố cục: Nghị định bao gồm 2 Điều, cụ thể như sau: (1) Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. (2) Điều 2. Hiệu lực thi hành.

Nội dung cơ bản của Nghị định

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

+ Khoản 1: Bổ sung điểm đ khoản 3 Điều 11 quy định về công tác bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

+ Khoản 2: Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 12 quy định về thiết bị giám sát hành trình của xe

+ Khoản 3: Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 13 quy định về điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô

+ Khoản 4: Bổ sung khoản 3 Điều 13 quy định về điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô

+ Khoản 5: Sửa đổi, bổ sung tên khoản 5 Điều 18 quy định về hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép kinh doanh

+ Khoản 6: Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 18 quy định về hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép kinh doanh

+ Khoản 7: Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 7 Điều 19 quy định về thủ tục cấp, cấp lại và thu hồi Giấy phép kinh doanh

+ Khoản 8: Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 22 quy định về quản lý sử dụng, cấp, cấp lại và thu hồi phù hiệu, biển hiệu

+ Khoản 9: Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 22 quy định về quản lý sử dụng, cấp, cấp lại và thu hồi phù hiệu, biển hiệu

+ Khoản 10: Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 9 Điều 22 quy định về quản lý sử dụng, cấp, cấp lại và thu hồi phù hiệu, biển hiệu

+ Khoản 11: Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 23 quy định về trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải

+ Khoản 12: Bổ sung khoản 8 Điều 34 quy định về đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

- Điều 2. Hiệu lực thi hành

3. Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 07 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực từ ngày 26 tháng 7 năm 2022.

Nghị định số 48/2022/NĐ-CP thay thế Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết:

Ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ VI Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.

Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Thực hiện Nghị quyết này, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025 định hướng đến năm 2030. Theo đó, Bộ Thông tin và Truyền thông được giao nhiều nhiệm vụ mới, quan trọng nhằm thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

Bên cạnh đó, nhiều văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông được ban hành và có hiệu lực sau Nghị định số 17/2017/NĐ-CP, cụ thể như: Luật an ninh mạng ngày 12/6/2018, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019, Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28

tháng 8 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ...

Do vậy, cần thiết phải nghiên cứu, rà soát, xây dựng Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông thay thế Nghị định số 17/2017/NĐ-CP để đảm bảo phù hợp với chủ trương chính sách của Đảng, quy định của Nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của Bộ.

- Mục đích ban hành: Việc ban hành Nghị định mới nhằm mục đích sửa đổi, bổ sung Nghị định số 17/2017/NĐ-CP đảm bảo phù hợp với thực tiễn quản lý và các quy định của văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan ban hành sau Nghị định số 17/2017/NĐ-CP.

c) Nội dung chủ yếu:

Để hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định của pháp luật chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ, khắc phục một số bất cập của các quy định trong Nghị định số 17/2017/NĐ-CP và đáp ứng yêu cầu thực tế, việc thay thế Nghị định này là cần thiết để tạo cơ sở pháp lý cho việc thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ. Những nội dung chính cần sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Về vị trí chức năng (Điều 1): Nghị định quy định Điều 1 (Vị trí và chức năng) như sau: “Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về báo chí; xuất bản, in, phát hành; phát thanh và truyền hình; thông tin điện tử; thông tấn; thông tin đối ngoại; thông tin cơ sở; bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến điện; công nghiệp công nghệ thông tin; ứng dụng công nghệ thông tin; an toàn thông tin mạng; giao dịch điện tử; chuyển đổi số quốc gia và quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ.”

2. Về nhiệm vụ, quyền hạn (Điều 2): Các lĩnh vực cơ bản giữ nguyên như Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 (chỉ điều chỉnh, bổ sung một số từ ngữ cho phù hợp hơn) bao gồm: báo chí, xuất bản, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở, thông tin điện tử, bưu chính, tần số vô tuyến điện. Một số lĩnh vực có điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, bao gồm:

a) Về quảng cáo (Khoản 8)

Bổ sung điểm c “Tiếp nhận thông báo hoạt động quảng cáo xuyên biên giới trên môi trường mạng; tiếp nhận, xử lý thông báo về quảng cáo xuyên biên giới vi phạm pháp luật và thực hiện biện pháp ngăn chặn theo quy định” để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 70/2021/NĐ-CP ngày 20/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP.

b) Về viễn thông (Khoản 12)

Bổ sung cụm từ “hạ tầng số” để đảm bảo phù hợp với Văn kiện Đại hội XIII của Đảng; Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 50/2021/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025. Bộ Thông tin và Truyền thông hiện đang được Chính phủ giao nhiệm vụ xây dựng trình Chính phủ ban hành “Chiến lược Hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030”.

c) Về công nghiệp công nghệ thông tin (Khoản 14) Bổ sung từ “điện tử” vì trong công nghiệp công nghệ thông tin đã bao hàm điện tử (theo Nghị định số 71/2007/NĐ-CP). Bổ sung cụm từ “công nghiệp công nghệ số” để đảm bảo phù hợp với thực tế và Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Quyết định 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030. Bộ Thông tin và Truyền thông hiện đang được Chính phủ giao nhiệm vụ xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số.

d) Về chuyển đổi số quốc gia (Khoản 15)

Gồm 04 nhóm nhiệm vụ chính: (i) Nhiệm vụ chung về chuyển đổi số quốc gia; (ii) ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số; (iii) kinh tế số và (iv) xã hội số.

Các nhiệm vụ chung về chuyển đổi số quốc gia (điểm a khoản 15) và nhiệm vụ về kinh tế số (điểm c khoản 15), xã hội số (điểm d khoản 15) là các nhiệm vụ mới được bổ sung. Bộ Thông tin và Truyền thông đã rà soát đảm bảo không chồng chéo với các bộ, ngành khác. Nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số (điểm b khoản 15) được rà soát, bổ sung cho phù hợp với các quy định của văn bản chuyên ngành hiện hành.

d) Về an toàn thông tin mạng (Khoản 16)

- Bổ sung điểm c “Quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng trừ sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự theo quy định của pháp luật; Để đảm bảo thể hiện đầy đủ các quy định tại Luật An toàn thông tin mạng.

- Điểm d bổ sung nội dung “các hệ thống hạ tầng kỹ thuật tập trung quy mô quốc gia để xử lý, giảm thiểu tấn công mạng, hỗ trợ giám sát an toàn thông tin cho hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phát triển Chính phủ điện tử” để đảm bảo phù hợp với Điểm g Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

e) Về giao dịch điện tử (Khoản 17)

Một số nội dung về giao dịch điện tử (chữ ký số) trong Nghị định số 17/2017/NĐ-CP được thể hiện trong lĩnh vực an toàn thông tin mạng (điểm d Khoản 16 Điều 2). Tuy nhiên, để đảm bảo phù hợp với các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giao dịch điện tử theo quy định tại Điều 7 Luật Giao dịch điện tử, Nghị định quy định khoản riêng về giao dịch điện tử với các nội dung như sau:

“17. Về giao dịch điện tử

a) Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển, ứng dụng giao dịch điện tử theo thẩm quyền;

b) Trình cấp có thẩm quyền ban hành, công nhận hoặc ban hành, công nhận theo thẩm quyền các tiêu chuẩn trong giao dịch điện tử;

c) Quản lý các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật;

d) Quản lý phát triển hạ tầng công nghệ cho hoạt động giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật;

đ) Quy định về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số theo thẩm quyền; chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ trong việc quản lý các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số; tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia theo quy định của pháp luật.”

3. Về tổ chức bộ máy của Bộ

a) Về các cơ quan hành chính thuộc Bộ

Về cơ bản Nghị định giữ nguyên các cơ quan được quy định tại Điều 3 Nghị định số 17/2017/NĐ-CP và có một số quy định điều chỉnh như sau:

- Sáp nhập Vụ Thi đua – Khen thưởng vào Vụ Tổ chức cán bộ.

- Giải thể Vụ Quản lý doanh nghiệp: Chuyển nhiệm vụ về quản lý doanh nghiệp cho các đơn vị khác thuộc Bộ phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao vì một số doanh nghiệp của Bộ đã chuyển về Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp quản lý.

- Tổ chức lại Vụ Công nghệ thông tin thành Cục Công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông

- Đổi tên Cục Tin học hóa thành Cục Chuyển đổi số quốc gia để phù hợp với nhiệm vụ trọng tâm của Cục trong thời gian tới: Thúc đẩy, dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia, đặc biệt là chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước, xây dựng Chính phủ số.

b) Về đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Thực hiện Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 10/5/2018 của Chính phủ phiên họp thường kỳ tháng 4 năm 2018, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tiến hành hợp nhất Báo Bưu điện và Báo điện tử VietNamNet thành Báo VietNamNet. Do vậy, hiện Bộ Thông tin và Truyền thông giảm 01 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ so với Nghị định số 17/2017/NĐ-CP. Các đơn vị sự nghiệp khác giữ nguyên như hiện nay.

c) Về số lượng phòng trong Vụ, Cục, Văn phòng, Thanh tra

- Về số lượng phòng trong Vụ: Thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng, Chính phủ, Nghị định quy định không tổ chức phòng trong Vụ.

- Về số lượng phòng thuộc các đơn vị của Bộ TTTT (Cục, Văn phòng, Thanh tra), Nghị định đã quy định cụ thể số lượng như sau:

+ Văn phòng Bộ giảm 03 phòng thuộc Văn phòng và 04 phòng thuộc Đại diện Văn phòng;

+ Thanh tra Bộ giảm 03 phòng;

+ Cục Báo chí giảm 01 phòng;

+ Cục Xuất bản, In và Phát hành giảm 02 phòng;

+ Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử giảm 02 phòng;

+ Cục Thông tin đối ngoại giảm 02 phòng;

+ Cục Thông tin cơ sở giảm 02 phòng;

+ Cục Viễn thông giảm 02 phòng;

+ Vụ Kế hoạch - Tài chính: giảm 04 phòng.

+ Cục Tần số vô tuyến điện giảm 08 phòng thuộc 08 Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực.

4. Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 07 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực từ ngày 12 tháng 9 năm 2022.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

+ Qua tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện chính sách thuế GTGT hiện hành cho thấy các quy định về chính sách thuế GTGT đã đạt được những kết quả nhất định như đã tháo gỡ được những vướng mắc phát sinh trong thực tế, góp phần hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của một số ngành trong đó có ngành nông nghiệp, khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ trong việc chế biến sâu tài nguyên thiên nhiên, góp phần thúc đẩy thị trường bất động sản, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển công nghệ, đầu tư đổi mới tài sản cố định, khuyến khích xuất khẩu, góp phần thúc đẩy vốn đầu tư xã hội tăng trưởng, cải cách thủ tục hành chính và đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, một số quy định về thuế GTGT đã bộc lộ bất cập cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp như: (1) Vướng mắc phát sinh về giá tính thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, mua bán điện của các công ty thủy điện, nhiệt điện cũng như công ty sản xuất điện khác

hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty phát điện; (2) Vương mắc phát sinh về hoàn thuế GTGT đối với: dự án đầu tư; dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí.

+ Chính phủ đã có một số các văn bản chỉ đạo cần sớm sửa đổi, bổ sung quy định về thuế GTGT để tháo gỡ các vướng mắc phát sinh.

- Mục đích ban hành:

+ Đảm bảo chính sách thuế GTGT có tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tế.

+ Đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong thực hiện chính sách thuế GTGT.

+ Đảm bảo chính sách công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị định số 49/2022/NĐ-CP gồm 02 Điều, sửa đổi, bổ sung 03 Điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP (khoản 3, 4 Điều 4, khoản 3 Điều 8 và khoản 2 Điều 10).

Nội dung sửa đổi, bổ sung gồm:

- Sửa đổi để đảm bảo thống nhất, đồng bộ hệ thống pháp luật

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về xác định giá đất được trừ đối với chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, đối với trường hợp cơ sở kinh doanh có đầu tư cơ sở hạ tầng để tính thuế GTGT trong hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP.

+ Sửa đổi câu chữ nhằm đảm bảo minh bạch, đồng bộ với quy định tại Luật Quản lý thuế.

- Sửa đổi để đảm bảo chính sách công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư, dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

+ Sửa đổi câu chữ quy định về hoàn thuế GTGT đối với dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí.

- Sửa đổi để đảm bảo tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tế: Sửa đổi, bổ sung quy định về xác định giá tính thuế GTGT đối với các công ty thủy điện, nhiệt điện và công ty sản xuất điện khác hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng công ty phát điện.

5. Quyết định số 17/2022/QĐ-TTg ngày 28/07/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân cấp thực hiện các dự án, dự án thành phần đầu tư các đoạn tuyến đường bộ cao tốc theo hình thức đầu tư công thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành (ngày 28/7/2022).

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Cơ sở chính trị
- + Chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền tại Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng;
- + Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII;
- + Nghị quyết số 56/2017/QH14 của Quốc hội và
- + Các Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.
- Cơ sở pháp lý
- + Các quy định về phân cấp, phân quyền tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương; thẩm quyền, trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ quản lý ngành, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về ngân sách, đầu tư công, quản lý đường bộ, xây dựng công trình tại Luật Giao thông đường bộ và Nghị định hướng dẫn; Luật Xây dựng; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Đầu tư công
- + Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về việc cho phép Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đủ năng lực, kinh nghiệm quản lý làm cơ quan chủ quản thực hiện các đoạn tuyến đường cao tốc.
- Cơ sở thực tiễn: Việc phân cấp nêu trên sẽ tạo sự chủ động, sáng tạo, huy động hiệu quả các nguồn lực và phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, tạo thuận lợi trong triển khai thực hiện, cụ thể như sau:
 - + Phát huy được tính tự chủ, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu địa phương và năng lực cho cán bộ làm công tác quản lý, điều hành dự án; chủ động trong công tác quy hoạch, đấu nối hạ tầng, xác định vị trí các nút giao cần thiết để tạo không gian cho phát triển kinh tế; thu hút đầu tư, khai thác quỹ đất dọc tuyến; thuận lợi trong việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông; huy động lực lượng lao động của địa phương tham gia vào quá trình đầu tư xây dựng; phát huy tối đa hiệu quả đầu tư của tuyến cao tốc; kiểm soát mỏ nguyên vật liệu ngay từ giai đoạn cấp phép; quản lý giá cả, tránh tình trạng đầu cơ, trục lợi, kiểm soát tổng mức đầu tư, giảm chi phí phát sinh, hạn chế sử dụng kinh phí dự phòng.
 - + Tạo thuận lợi trong công tác giải phóng mặt bằng, rút ngắn thời gian thực hiện, gắn trách nhiệm của các bên liên quan, cắt giảm một số thủ tục như: phân khai kế hoạch vốn, ban hành quy chế phối hợp; trình, báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận phương án tổng thể, quyết toán chi phí...
 - + Phát huy các ưu điểm, kinh nghiệm thực tiễn đã giao một số địa phương làm chủ đầu tư các dự án đường bộ cao tốc theo hình thức đầu tư công tại tỉnh Quảng Ninh, Ninh Bình và một số địa phương được giao làm cơ quan nhà nước

có thẩm quyền đầu tư theo phương thức PPP như: Lạng Sơn, Quảng Ninh, Tiền Giang...

- Mục tiêu

+ Mục tiêu chung: Phát triển nhanh hoạt động sản xuất, kinh doanh; thúc đẩy các động lực tăng trưởng. Huy động, tận dụng và phát huy năng lực của cả Trung ương và địa phương để triển khai thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng giao thông trọng điểm, trong đó có đường bộ cao tốc nhằm góp phần sớm phục hồi kinh tế trong 02 năm 2022, 2023 và tạo tiền đề cho tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội các năm tiếp theo.

+ Mục tiêu cụ thể: Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm cơ quan chủ quản; huy động, phân bổ, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư; thúc đẩy giải ngân nhanh vốn đầu tư công trong các năm 2022, 2023 để đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng trọng điểm.

c) Nội dung chủ yếu

Quyết định gồm 05 Điều, tóm tắt như sau:

Điều 1: Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng và thời gian áp dụng.

Phạm vi điều chỉnh là các dự án, dự án thành phần đầu tư các đoạn tuyến đường bộ cao tốc theo hình thức đầu tư công thuộc Chương trình; Đối tượng áp dụng là Ủy ban nhân dân các tỉnh được phân cấp làm cơ quan chủ quản, Bộ Giao thông vận tải, các bộ, cơ quan liên quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình chuẩn bị, thực hiện đầu tư xây dựng dự án, dự án thành phần đầu tư các đoạn tuyến đường bộ cao tốc theo hình thức đầu tư công thuộc Chương trình.

Điều 2: Quy định về nguyên tắc, yêu cầu của phân cấp.

Điều 3: Quy định về nội dung phân cấp theo Phụ lục danh sách các cơ quan chủ quản ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4: Quy định về tổ chức thực hiện, trong đó xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan phân cấp, cơ quan được phân cấp và giải pháp thực hiện:

- Bộ Giao thông vận tải bàn giao báo cáo nghiên cứu tiền khả thi 04 dự án được giao chuẩn bị đầu tư; tổ chức triển khai đối với các dự án thuộc thẩm quyền; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thẩm định thiết kế cơ sở; quy định việc tổ chức bảo trì, quản lý sử dụng, khai thác công trình; kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy chuẩn xây dựng, quy hoạch, kế hoạch đầu tư, xây dựng công trình, dự án, kết nối đồng bộ và một số nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ...

- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng thực hiện một số nhiệm vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước theo thẩm quyền.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được giao làm cơ quan chủ quản trực tiếp tổ chức triển khai thực hiện các dự án, dự án thành phần theo phân cấp đảm bảo đủ năng lực, kinh nghiệm hoặc phải có giải

pháp đảm bảo đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm để triển khai thực hiện dự án; cam kết bố trí vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để hoàn thành các dự án, dự án thành phần đúng tiến độ theo quy định.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 07 năm 2022, Bộ Tư pháp xin thông báo./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Thanh Tịnh (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Báo Điện tử Chính phủ;
- Cục CNTT Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Báo Pháp luật Việt Nam (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP (TT).

**TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nguyễn Quốc Hoàn